

Số: 3977 /BTC-QLCS

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2018

V/v giảm tiền thuê đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thuộc Bộ Quốc phòng.

Kính gửi:

- Bộ Quốc phòng;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng tại Công văn số 938/VPCP-NN ngày 25/01/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc miễn, giảm tiền thuê đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

1. Đối tượng và phạm vi áp dụng giảm tiền thuê đất: Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng (không bao gồm doanh nghiệp quốc phòng) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản hoặc sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp nuôi trồng thủy sản kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh để tăng gia sản xuất phục vụ trực tiếp cho đời sống cán bộ, chiến sĩ của đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân.

2. Về mức giảm tiền thuê đất

Giảm 50% tiền thuê đối với phần diện tích đất thuê để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản hoặc sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh để tăng gia sản xuất phục vụ trực tiếp cho đời sống cán bộ, chiến sĩ của đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân trong thời gian thuê đất từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2020.

3. Về hồ sơ, trình tự thủ tục giảm tiền thuê đất: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính và các văn bản có liên quan. Trường hợp không có Quyết định, Hợp đồng thuê đất thì căn cứ vào diện tích đất thực tế đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản hoặc sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp nuôi trồng thủy sản kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh để tăng gia sản xuất phục vụ trực tiếp đời sống cán bộ, chiến sĩ mà cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng để xác định số tiền thuê đất được giảm.

4. Về thẩm quyền xem xét, quyết định giảm tiền thuê đất: Cục trưởng Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành quyết định số tiền thuê

đất được giảm đối với phần diện tích đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản hoặc sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp nuôi trồng thủy sản kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh để tăng gia sản xuất phục vụ trực tiếp cho đời sống cán bộ, chiến sĩ của đơn vị vũ trang nhân dân (không có mục đích kinh doanh) theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

5. Đề nghị Bộ Quốc phòng chỉ đạo các cơ quan, đơn vị làm thủ tục để được giảm tiền thuê đất theo quy định và phải chịu trách nhiệm về việc kê khai, quản lý, sử dụng đất của mình.

6. Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có các cơ quan, đơn vị vũ trang nhân dân thuộc Bộ Quốc phòng đang sử dụng đất chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương:

a) Làm thủ tục để được giảm tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai và phải chịu trách nhiệm về việc kê khai, quản lý, sử dụng đất;

b) Căn cứ hồ sơ cụ thể, tình hình thực tế sử dụng đất để xác định và quyết định giảm tiền thuê đất theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng tại Công văn số 938/VPCP-NN ngày 25/01/2018 của Văn phòng Chính phủ;

c) Kiểm tra việc sử dụng đất thuê của các cơ quan, đơn vị vũ trang nhân dân thuộc Bộ Quốc phòng đảm bảo việc giảm tiền thuê đất đúng đối tượng theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng tại Công văn số 938/VPCP-NN ngày 25/01/2018.

Bộ Tài chính đề nghị Bộ Quốc phòng và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo thực hiện theo quy định. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các tỉnh, thành phố phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, xử lý hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định (trong trường hợp vượt thẩm quyền). /.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Vụ: CST và PC;
- TCT;
- Lưu VT, QLCS. (170)



**Haynh Quang Hải**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**SAO Y BẢN CHÍNH**

Số: **507/SY-UBND**

*Bình Định, ngày 23 tháng 5 năm 2018*

**Nơi nhận:**

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Thuế tỉnh;
- LĐVP, K7;
- Lưu: VT (11b).

**TL. CHỦ TỊCH  
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Nguyễn Đức Thi**